

Số: /KH-UBND

Cẩm Tân, ngày 22 tháng 9 năm 2023

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 (gọi tắt là Nghị định 07);

Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 (gọi tắt là Quyết định 24);

Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình và mẫu biểu báo cáo (gọi tắt là Thông tư 07); Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH (gọi tắt là Thông tư 02).

Kế hoạch số 156/KH-UBND ngày 22/8/2023 của UBND huyện Cẩm Thủy về Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023.

UBND xã Cẩm Tân ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 (gọi tắt là Kế hoạch rà soát) với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức rà soát nhằm xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo và thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 để đánh giá kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo năm 2023, đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và dịch vụ xã hội cơ bản của người dân giúp các cấp chính quyền triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và các chính sách kinh tế - xã hội khác năm 2024 và các năm tiếp theo.

2. Yêu cầu

Việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 thực hiện đúng phương pháp, quy trình được quy định tại Quyết định 24/2021/QĐ - TTg, Thông tư 07/2021/TT - LĐTBXH và Thông tư 02/2022/TT - LĐTBXH đảm bảo công khai, dân chủ; đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương; sự giám sát của Mặt trận Tổ quốc và sự tham gia của người dân.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi

Thực hiện trên địa bàn toàn xã.

2. Đối tượng áp dụng

Hộ gia đình, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân tham gia công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã.

III. NỘI DUNG

1. Tiêu chí đo lường nghèo đa chiều, chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo

1.1. Tiêu chí đo lường nghèo đa chiều

a) Tiêu chí thu nhập

- Khu vực nông thôn: **1.500.000 đồng/người/tháng.**

b) Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản

- Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin.

- Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

1.2. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình

a) Chuẩn hộ nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Chuẩn hộ cận nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

c) Chuẩn hộ có mức sống trung bình

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

2. Quy trình, tiến độ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình

2.1. Quy trình rà soát định kỳ (theo quy định tại điều 4 Quyết định số 24)

Bước 1. Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát (Mẫu số 03) **Xong trước ngày 05/10/2023.**

Thành viên Ban Chỉ đạo rà soát của xã cùng với thôn và rà soát viên lập danh sách hộ gia đình cần rà soát, gồm:

- Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND cấp xã đang quản lý tại thời điểm rà soát (*Hộ nghèo, cận nghèo năm 2023*);

- Đối với hộ gia đình có giấy đề nghị rà soát (Mẫu số 01) và những hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm, có nguy cơ nghèo, cận nghèo do rà soát viên, trưởng thôn phát hiện lập danh sách đưa vào Mẫu số 02 (Phiếu A) để nhận dạng nhanh hộ gia đình không thuộc đối tượng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo. Trường hợp có dưới 4 tiêu chí thì đưa vào danh sách hộ cần rà soát.

Lưu ý: Thành viên Ban Chỉ đạo rà soát của xã, lực lượng rà soát viên, trưởng thôn chủ động phát hiện những hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm, có nguy cơ nghèo, cận nghèo để hướng dẫn hộ gia đình làm giấy đề nghị đưa vào danh sách các hộ rà soát nhanh theo phiếu A.

Bước 2. Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình (Mẫu số 4.1 và mẫu số 4.2) **Xong trước ngày 10/10/2023.** (Rà soát thông tin phiếu B; và chấm điểm phiếu B1, B2).

Thành viên Ban Chỉ đạo rà soát của xã phối hợp với trưởng thôn và rà soát viên thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

Bước 3. Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát. (Lịch họp của từng thôn sau khi có kết quả phân loại hộ gia đình thì BCD xã sẽ phân lịch cụ thể). **Xong trước ngày 15/10/2023.**

- Thành phần cuộc họp: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã, Trưởng thôn (chủ trì họp), Bí thư Chi bộ thôn, đoàn thể thôn, rà soát viên và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã giám sát.

- Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát (chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo mới phát sinh và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo). Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, thực hiện rà soát lại từ bước 2 theo quy định.

- Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản (Mẫu số 05), có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (01 bản lưu ở thôn, 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát xã).

Bước 4. Niêm yết, thông báo công khai.

- Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (Mẫu số 06, mẫu số 07) tại nhà văn hóa thôn và trụ sở UBND xã; thông báo qua đài truyền thanh cấp xã trong thời gian 03 ngày làm việc. **Xong trước ngày 20/10/2023.**

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại nhà văn hóa và trụ sở UBND xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo rà soát xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND xã về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (sau khi rà soát). **Xong trước ngày 25/10/2023.**

Bước 5. Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. **Xong trước ngày 01/11/2023:**

- Chủ tịch UBND xã báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch UBND huyện (Qua Phòng lao động - Thương binh và Xã hội) về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn (Mẫu số 08).

Bước 6. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo *Xong trước ngày 05/11/2023.*

Chủ tịch UBND xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch UBND huyện, quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn (Mẫu số 19) và cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo (Mẫu số 20).

Lưu ý: Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo yêu cầu chính xác thông tin cá nhân từng người (họ và tên, năm sinh, quan hệ với chủ hộ, số căn cước công dân, dân tộc...) trên cơ sở đối chiếu, thống nhất thông tin với dữ liệu đã được cập nhật trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Bước 7. Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

UBND huyện tổng hợp, phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

2.2. Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm

- Thực hiện theo quy định tại điều 5 Quyết định số 24/2021/QĐ - TTg.

- Thời gian rà soát: mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hằng tháng.

(Thành viên BCD xã và các thôn tự nghiên cứu để thực hiện thường xuyên)

2.3. Quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình

- Thực hiện theo quy định tại điều 6 Quyết định số 24.

- Thời gian thực hiện: Các thôn điều tra, rà soát song song cùng điều tra rà soát hộ nghèo và báo cáo về BCD xã **chậm nhất ngày 20/11/2023**

- Rà soát bổ xung thường xuyên từ ngày 15 hằng tháng.

3. Phương pháp rà soát và phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

3.1. Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 24/2021): Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Kế hoạch này để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm B1):

+ Ở khu vực nông thôn: 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng;

- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B2): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

3.2. Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Hộ nghèo:

+ Khu vực nông thôn: hộ có điểm $B1 \leq 140$ điểm và điểm $B2 \geq 30$ điểm.

- Hộ cận nghèo:

+ Khu vực nông thôn: hộ có điểm $B1 \leq 140$ điểm và điểm $B2 < 30$ điểm.

4. Phương pháp xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình

Là phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

5. Hệ thống biểu mẫu, phiếu rà soát

5.1. Phiếu điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo:

- Đối với thôn: Mẫu số 01 Giấy đề nghị; Mẫu số 02. Phiếu A - Nhận dạng nhanh; Mẫu số 03 danh sách hộ gia đình cần rà soát; Mẫu số 4.2 Phiếu B - Rà soát thông tin hộ gia đình; Mẫu số 05 Biên bản họp dân; Mẫu số 6 danh sách hộ nghèo, cận nghèo sau khi rà soát; Mẫu số 7 danh sách hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo sau khi rà soát;

- Đối với xã: Các biểu mẫu quy định tại Quyết định số 24, Thông tư số 02

5.2. Phiếu điều tra hộ nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình:

- Đối với thôn: Mẫu số 01 Giấy đề nghị; Mẫu số 22 Phiếu khảo sát, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

- Đối với xã: Các biểu mẫu quy định theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

6. Báo cáo và hồ sơ kết quả rà soát định kỳ năm 2023

- Đối với các thôn:

+ Báo cáo Mẫu số 01 Giấy đề nghị; Mẫu số 02. Phiếu A - Nhận dạng nhanh; Mẫu số 03 danh sách hộ gia đình cần rà soát về Thường trực BCD xã **chậm nhất ngày 30/9/2023**, trước khi tiến hành rà soát, chấm điểm phiếu B.

+ Báo cáo Mẫu số 4.2 Phiếu B - Rà soát thông tin hộ gia đình về Thường trực BCD xã **chậm nhất ngày 10/10/2023**, trước khi tổ chức họp dân thông qua kết quả rà soát.

+ Báo cáo Mẫu số 05 biên bản họp dân; Biên bản niêm yết; Biên bản kết thúc niêm yết về Thường trực BCD xã **chậm nhất ngày 20/10/2023**.

+ Báo cáo Mẫu số 6 danh sách hộ nghèo, cận nghèo sau khi rà soát; Mẫu số 7 danh sách hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo sau khi rà soát về Thường trực BCD xã **chậm nhất ngày 25/10/2023** (Nếu không có khiếu nại).

+ Báo cáo Mẫu số 01 Giấy đề nghị; Mẫu số 22 Phiếu khảo sát, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình về Thường trực BCD xã **chậm nhất ngày 20/11/2023**.

- **Đối với xã:** Báo cáo kết quả sơ bộ, kết quả chính thức và các biểu mẫu; lưu hồ sơ theo quy định tại Kế hoạch số 156/KH - UBND ngày 22/8/2023 của UBND huyện Cẩm Thủy.

7. Báo cáo kết quả rà soát thường xuyên năm 2024

Ngày 05 hằng tháng (từ tháng 02 đến tháng 9), Chủ tịch UBND xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND huyện kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên trên địa bàn (nếu có).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các thành viên Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã.

- Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số: 130/QĐ-UBND ngày

22/09/2022 của Chủ tịch UBND xã về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã Cẩm Tân.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tại thôn đã được phân công phụ trách.

- Chịu trách nhiệm trước BCD, Trưởng ban chỉ đạo rà soát về kết quả của đơn vị mình được phân công phụ trách.

2. Công chức văn hóa - phụ trách chính sách.

- Tham mưu triển khai Kế hoạch thực hiện đến BCD, các thôn, in ấn các tài liệu mẫu biểu có liên quan gửi BCD, các thôn để phục vụ cho công tác rà soát.

- Tham mưu tổ chức tập huấn cho BCD, tổ rà soát của các thôn về quy trình và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình.

- Tham mưu kiểm tra, phúc tra, giám sát quá trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các thôn.

- Tham mưu cho Chủ tịch UBND xã tổng hợp phê duyệt và báo cáo Chủ tịch UBND huyện (*qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội*) theo quy định về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và kết quả xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình.

- Tham mưu ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn xã.

- Tổng hợp, báo cáo Đảng ủy, HĐND, UBND xã về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo sơ bộ và chính thức.

3. Công chức văn hóa - Thông tin.

Tăng cường công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa và phương pháp, quy trình, công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023; Tiêu chí và mức chuẩn nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022 - 2025 và việc xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình. Xây dựng và cung cấp bản tin tuyên truyền cho các thôn.

4. Trưởng công an xã: Giúp ban chỉ đạo và các tổ rà soát các thôn rà soát thông tin cá nhân các hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình đảm bảo chính xác với thông tin dữ liệu quốc gia về dân cư.

5. Trưởng trạm y tế: Giúp ban chỉ đạo và các tổ rà soát xác định về tiêu chí dinh dưỡng trong quá trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức thành viên.

- Chủ trì, giám sát việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên phạm vi toàn xã.

- MTTQ xã phối hợp với các tổ chức thành viên căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, các văn bản pháp luật có liên quan đến công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo để tăng cường công tác tuyên truyền và thực hiện giám sát việc rà soát ở các thôn.

7. Trách nhiệm của tổ rà soát các thôn.

-Thành lập tổ rà soát của các thôn gồm: Đ/c Trưởng thôn là tổ trưởng và các Đ/c đại diện các đoàn thể như: Phụ nữ, Nông dân, Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên, Tổ trưởng tổ ANTT và mời Đ/c Bí thư chi bộ tham gia. (các thôn gửi danh sách tổ rà soát của thôn về xã qua Đ/c Hoàng Thị Huệ- CCCS xã) vào ngày: 25/09/2023

- Tuyên truyền, giải thích cho nhân dân ở địa bàn rà soát hiểu được: Mục đích, ý nghĩa và phương pháp, quy trình, công cụ của rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023; tiêu chí và mức chuẩn nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022 - 2025 và việc xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình.

- Trực tiếp làm công tác rà soát đảm bảo đúng quy trình, đúng tiêu chí; tổng hợp, báo cáo đúng thời gian quy định.

Trong quá trình chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nếu còn vướng mắc phát sinh, đề nghị các ban ngành, đoàn thể, tổ chức, cá nhân, cán bộ, công chức, các thôn phản ánh kịp thời về Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của xã (*qua Công chức văn hóa - phụ trách chính sách*) để phối hợp, giải quyết./.

Nơi nhận:

- TTr: Đảng ủy, HĐND xã (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT. UBND (để b/c);
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể chính trị (p/h)
- Thành viên BCĐ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã (T/h);
- Các thôn (t/h);
- Lưu: VT, VHCS;

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Thị Hợp